

Số : 317/QĐ-VKS

Nam Trực, ngày 15 tháng 05 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực

Căn cứ Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của BTC hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 737/QĐ –VKS ngày 11/05/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 3)

## QUYẾT ĐỊNH

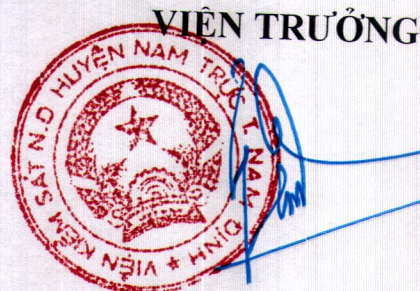
**Điều 1:** Công bố công khai số liệu số liệu điều chỉnh ngân sách nhà nước năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực (theo phụ lục đính kèm)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Phụ trách kế toán Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh ND
- Lưu VP



TRẦN XUÂN YÊM



Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực

Chương: 004

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 317/QĐ-VKS ngày 15/05/2023 của Viện KSND huyện Nam Trực)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	<b>11.0</b>
1	Chi quản lý hành chính	11.0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	11.0
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	



	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga



Viện trưởng

Trần Xuân Yêm